TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 3 - 2021
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Pháp, bà Phan Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 15/2021/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc "*Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/02/2021 giữa:

Nguyên đơn: Bà H – sinh năm 1975. Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện T, Phú Yên. *Có mặt;*

Bị đơn: Ông T – sinh năm 1972. Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện T, Phú Yên.*Vắng mặt,*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T, bà H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên năm 2016.

Bà H khai sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, có lúc ông T đánh bà. Mâu thuẫn kéo dài, đã được hai bên gia đình và địa phương hòa giải nhưng không được. Từ cuối năm 2019 đến nay, hai bên tự sống riêng, không ai còn quan tâm đến ai. Nay, nhận thấy tình cảm đã hết nên bà H xin được ly hôn ông T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên A – sinh ngày 18/4/2016. Bà H xin nuôi con, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn ông T* đến Tòa án thống nhất ly hôn, thống nhất giao con tên A cho bà H nuôi, thống nhất không yêu cầu giải quyết tài sản và thống nhất không có nợ chung nhưng ông T không đồng ý viết bản tự khai, không chịu ký vào biên bản hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng bà H, ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T vào ngày 14/3/2016 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Bà H khai trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do không hợp tính, thường xuyên cãi nhau, ông T vô cớ đánh bà, hai bên tự xa nhau từ cuối năm 2019 đến nay, không ai quan tâm ai. Mâu thuẫn đã được gia đình và địa phương hòa giải nhưng không được. Ông T đến Tòa thừa nhận có đánh bà H 02 lần, thống nhất ly hôn nhưng không chịu ký vào biên bản.

Như vậy, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa ông T, bà H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[3] Về con chung: Xét thấy con chung tên A – sinh ngày 18/4/2016, lâu nay do bà H nuôi dưỡng, đã quen sống cùng bà H. Do đó, để cháu H phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, cần giao cháu H cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H làm nghề nông, có sức khỏe, đủ khả năng nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung*:* Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí DSST: Bà H phải chịu: 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Bà H được ly hôn ông T.

2. Về con chung: Giao con chung tên là A – sinh ngày 18/4/2016 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà H phải chịu: 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí về yêu cầu xin ly hôn. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* mà bà H đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002222 ngày 07/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, bà H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND H. Tây Hòa;
- Cục THADS H. Tây Hòa;
- UBND xã H, huyện T
(GĐKKH số 24/2019, ngày 14/3/2016);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thanh Huệ